

LUẬT MA HA TĂNG KỲ

QUYỂN 4

Phần 1: GIỚI PHÁP CỦA TỖ KHEO

Đoạn 1: NÓI VỀ 4 PHÁP BA LA DI (Tiếp Theo)

3. GIỚI SÁT SINH

Khi Phật ở tại thành Tỳ-xá-ly, có một Tỳ-kheo bị bệnh lâu ngày không bớt. Thầy Tỳ-kheo nuôi bệnh đâm ra mỗi một chán ngán, liền nói với Tỳ-kheo có bệnh: “Trưởng lão! Tôi nuôi bệnh đã lâu ngày, không được phụng sự Hòa thượng, thầy Giáo-thọ, cũng không được thọ trì kinh, tụng kinh và tư duy hành đạo. Trưởng lão mang bệnh đã lâu ngày, chữa trị cũng không hết, tôi cũng khổ sở lây”. Thầy Tỳ-kheo có bệnh nói: “Thế thì phải làm sao? Tôi cũng đau đớn thống khổ không sao chịu nổi. Nếu thầy có thể giết tôi chết thì hay lắm”. Thầy Tỳ-kheo ấy liền giết vị kia. Các Tỳ-kheo hay được liền đem đầy đủ mọi tình tiết bạch lên Thế Tôn.

Thế Tôn dạy: “Gọi Tỳ-kheo ấy đến”.

Khi thầy ấy đến rồi, Phật bèn hỏi kỹ các việc trên: “Tỳ-kheo! Ông có làm việc ấy thật chăng?”

Đáp: “Có thật, bạch Thế Tôn”.

Phật khiển trách: “Này kẻ ngu si! Ông không từng nghe ta dùng nhiều phương tiện ca ngợi những người sống phạm hạnh có thân từ ái, miệng từ ái và ý từ ái, cúng dường cung cấp những thứ cần thiết cho họ là gì? Nay vì sao ông tự tay sát hại mạng sống của người? Đó là điều phi pháp, phi luật, trái lời Phật dạy, không thể dùng việc ấy để nuôi lớn pháp thiện được”.

Bấy giờ, Phật ra lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành Tỳ-xá-ly phải tập họp lại tất cả, vì mười điều lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

- Nếu Tỳ-kheo tự tay mình sát hại mạng người, thì phạm tội Ba-

la-di, không được sống chung với Tăng chúng.

Lại nữa, khi Phật ở tại thành Tỳ-xá-ly, có một Tỳ-kheo bị bệnh, chữa trị lâu ngày mà không dứt. Thầy Tỳ-kheo nuôi bệnh mệt mỏi, chán ngán, bèn nói với Tỳ-kheo có bệnh: “Trưởng lão! Từ ngày tôi nuôi bệnh đến nay đã lâu mà không được phụng sự Hòa thượng, thầy Giáo thọ, không được thọ trì kinh, tụng kinh, tư duy hành đạo. Trưởng lão mang bệnh đã lâu ngày chữa trị không dứt, mà tôi cũng khổ lây”. Thầy Tỳ-kheo có bệnh nói: “Thế thì phải làm sao? Tôi cũng đã chán nổi thống khổ này không thể chịu nổi. Nếu thầy có thể giết tôi chết thì rất tốt”. Thầy Tỳ-kheo ấy nói: “Đức Thế Tôn chế giới không được tự tay mình giết người”. Tỳ-kheo có bệnh nói: “Nếu thầy không thể tự tay mình giết tôi, thì thầy có thể vì tôi đi tìm một kẻ cầm dao đến đây”. Lúc ấy, thầy Tỳ-kheo nuôi bệnh bèn đi đến chỗ một ngoại đạo là Lộc Trượng, nói: “Lão trượng, ông có thể giết vị Tỳ-kheo mổ giáp kia, thì tôi cho ông y bát”. Y bèn theo lời, giết thầy ấy rồi lấy y bát.

Các Tỳ-kheo biết được việc đó, liền đem đầy đủ mọi sự tình bạch lên Thế Tôn.

Phật bảo: “Đi gọi thầy Tỳ-kheo nuôi bệnh đến đây”.

Khi Tỳ-kheo ấy đến, Phật hỏi: “Có thật ông làm việc đó chăng?”.

Đáp: “Đúng vậy”. Phật khiển trách: “Người chẳng từng nghe Ta dùng vô lượng phương tiện khen ngợi những người sống phạm hạnh có thân từ ái, miệng từ ái, ý từ ái, cúng dường cung cấp những vật cần thiết cho họ là gì? Nay vì sao ông tìm người cầm dao giết chết mạng người? Đó là việc phi pháp, phi luật, chẳng phải điều ta dạy, không thể dùng việc ấy để nuôi lớn pháp thiện được”.

Thế rồi Phật ra lệnh cho các Tỳ-kheo sống chung quanh thành Tỳ-xá-ly phải tập họp lại đầy đủ. Ngài bèn vì mười lợi ích chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

- Nếu thầy Tỳ-kheo tự tay giết người, hoặc tìm người cầm dao đến giết, thì Tỳ-kheo ấy phạm tội Ba-la-di, không được sống chung (với Tăng chúng).

Lại nữa, khi Phật ở tại thành Tỳ-xá-ly, có một Tỳ-kheo bị bệnh lâu ngày. Rồi thầy Tỳ-kheo nuôi bệnh nói với Tỳ-kheo bị bệnh dai dẳng ấy như sau: “Tôi không thọ trì kinh, tụng kinh, tư duy hành đạo được. Lại phải đi đến người ta tìm kiếm những thức ăn uống, thuốc thang phù hợp với người bệnh khiến thiên hạ đều chán ngấy tôi. Tôi cũng khổ sở chẳng kém”. Thầy Tỳ-kheo bệnh nói: “Thế thì phải làm sao? Tôi cũng

chán nổi đau đớn này, không thể chịu nổi nữa. Nếu thầy giết tôi chết thì tốt lắm”. Tỳ-kheo ấy liền nói: “Thầy không nghe Thế Tôn chế giới không được tự tay giết người hay sao?”. Tỳ-kheo bệnh nói: “Nếu vậy thì thầy vì tôi đi gọi giúp người cầm dao đến đây”. Tỳ-kheo ấy lại nói: “Thầy không nghe Thế Tôn chế giới không được đi tìm người cầm dao về giết người hay sao?”. Tỳ-kheo bệnh nói: “Thế thì thầy bảo phải làm sao?”. Tỳ-kheo nuôi bệnh đáp: “Thầy chỉ cầu được sống không muốn chết, chứ nếu muốn chết thì thầy có thể tìm dao để tự sát, hoặc là uống thuốc độc, hoặc dùng dây tự thắt cổ, hoặc nhảy xuống hố, lao vào lửa, hoặc ôm đá chìm mình xuống sông, phương pháp tự sát thật là đa dạng”. Ca ngợi như thế rồi, thầy bèn ra khỏi trú xứ. Sau đó Tỳ-kheo có bệnh bèn tự sát. Các Tỳ-kheo bèn đem việc ấy bạch đầy đủ lên Thế Tôn.

Thế Tôn dạy: “Hãy gọi Tỳ-kheo nuôi bệnh đến đây”.

Khi vị ấy đến, Phật hỏi kỹ sự việc trên: “Ông có làm thật như thế chăng?”.

Đáp: “Thật như thế”.

Phật nói: “Ông không từng nghe Ta dùng vô số phương tiện khen ngợi những người sống phạm hạnh, có thân từ ái, miệng từ ái và ý từ ái, và khuyến cúng dường cung cấp cho họ những thứ cần thiết là gì? Nay vì sao ông lại ca ngợi sự chết? Điều đó là phi pháp, phi luật, không đúng lời ta dạy. Không thể dùng việc này để nuôi lớn pháp thiện”.

Thế rồi Phật ra lệnh cho các Tỳ-kheo sống xung quanh thành Tỳ-xá-ly tập họp lại tất cả, những ai nghe rồi cũng phải nghe lại và căn cứ mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo như sau:

- Nếu Tỳ-kheo tự tay mình giết người, hoặc đi tìm người cầm dao đến giết, hoặc bảo họ chết, ca ngợi sự chết, thì Tỳ-kheo ấy phạm tội Ba-la-di, không được sống chung với chúng Tăng.

Lại nữa, khi Phật ở tại thành Tỳ-xá-ly, nói rộng như trên... Khi Lộc Trượng ngoại đạo giết Tỳ-kheo rồi, lòng rất sầu não, suy nghĩ: “Ta nay vì sao lại giết người sống phạm hạnh, tạo tội ác như thế? Sau khi ta mệnh chung, làm sao khỏi rơi vào đường ác, sa vào địa ngục?”

Bấy giờ, Thiên ma Ba-tuần thường tạo điều kiện để làm tăng trưởng các việc ác, liền từ trên không trung nói với ngoại đạo: “Ông chớ nên ưu sầu lo sợ đọa vào đường ác. Vì sao thế? Việc làm của ông hôm nay là khiến cho người ta thoát được khổ hoạn, những ai chưa được độ thì được độ, thật là công đức vô lượng”. Khi đó, ngoại đạo ấy suy nghĩ: “Ta giết Tỳ-kheo, ắt thu được phước lớn, cho nên chư Thiên tùy hỷ khen là việc tốt”. Suy nghĩ thế rồi, y bèn cầm dao bén đi đến các tăng

phòng và những chỗ kinh hành rao lớn cho các Tỳ-kheo nghe: “Ai muốn thoát khổ, ai muốn được độ, ta sẽ làm cho hết khổ, ta sẽ độ cho”.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn giảng về pháp môn quán Bất tịnh cho các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo tu pháp quán bất tịnh chán ngấy nỗi khổ của thân, trong số họ có người dùng dây thắt cổ, có người uống thuốc độc, có kẻ dùng dao tự sát, có kẻ nhảy xuống hố, kẻ lao vào lửa, tự vẫn rất đông. Họ còn bị Lộc trượng ngoại đạo trước sau giết không phải một người, hai người, ba, bốn, năm người, mười người mà cả thảy sáu mươi người. Lúc ấy vào ngày rằm hằng tháng, Đức Thế Tôn đang ngồi giữa chúng Tăng, định làm lễ Bố-tát. Ngài nhìn xung quanh thấy chúng Tăng thưa thớt, bèn hỏi A-nan: “Hôm nay chúng Tỳ-kheo vì sao mà ít thế? Vì sao không thấy Tỳ-kheo A, B, v.v...?”.

A-nan liền bạch với Phật: “Bạch Thế Tôn! Trước đây Thế Tôn đã vì các Tỳ-kheo giảng về pháp quán Bất tịnh, ca ngợi công đức tu tập pháp quán Bất tịnh. Các Tỳ-kheo siêng năng tu pháp quán Bất tịnh... Sau khi tu pháp quán Bất tịnh họ rất chán cái thân này. Do thế có người cầm dao tự sát. Thậm chí có người còn nhờ Lộc trượng ngoại đạo giết mình, chỉ trong nửa tháng mà mất sáu mươi người. Những ai không đến đều đã mệnh chung, rất mong Thế Tôn dạy cho pháp khác, để các Tỳ-kheo khỏi chán xác thân mà tự sát, hầu các bậc Hiền Thánh còn tồn tại lâu ở thế gian, đem lại lợi ích cho trời, người”.

Thế rồi, Phật bảo A-nan: “Có pháp thiền định khác khiến các Tỳ-kheo thích thú, siêng tu mà không nhằm chán xác thân. Đó là pháp niệm hơi thở vô và hơi thở ra. A-nan! Thế nào là Tỳ-kheo tu tập pháp niệm hơi thở vô hơi thở ra, được thành tựu, chứng ngộ, hiện bày diệu dụng trong an lạc? Đó là, nếu Tỳ-kheo cư trú nơi thành ấp, xóm làng, khi đến giờ, khoác y, cầm bát vào thành khát thực, thu giữ thân, khẩu, ý, khéo nghĩ nhớ đến thân mình, không để tâm dong ruổi, thường giữ chánh định, thân giữ các căn mà đi khát thực. Khát thực xong, trở về trú xứ tìm một chỗ vắng vẻ mà ngồi yên. Nghĩa là tìm một chỗ trống, khe suối, hang núi hay nghĩa trang mà ngồi thiền rồi đoạn trừ tham dục, sân hận, ngủ nghỉ, trạo cử, hoài nghi và diệt trừ các chướng ngại, trí tuệ sáng tỏ, buộc niệm tại hơi thở, khi hít vào biết là hít vào, khi thở ra biết là thở ra.

1. Khi hít vào dài biết là hít vào dài, khi thở ra dài biết là thở ra dài.
2. Khi hít vào ngắn biết là hít vào ngắn. Khi thở ra ngắn, biết là thở ra ngắn.
3. Khi hơi thở vào khắp thân thể, biết là hơi thở vào khắp thân thể.

Khi hơi thở ra khắp thân thể, biết là hơi thở ra khắp thân thể.

4. Khi hơi thở vào thân buồng xả, biết là hơi thở vào thân buồng xả. Khi hơi thở ra thân buồng xả, biết là hơi thở ra thân buồng xả.

5. Khi thở vào hoan hỷ, biết là thở vào hoan hỷ. Khi thở ra hoan hỷ, biết là thở ra hoan hỷ.

6. Khi thở vào an lạc, biết là thở vào an lạc. Khi thở ra an lạc, biết là thở ra an lạc.

7. Khi thở vào có ý thức, biết là thở vào có ý thức. Khi thở ra có ý thức, biết là thở ra có ý thức.

8. Khi thở vào có ý hành xả, biết là thở vào có ý hành xả. Khi thở ra có ý hành xả, biết là thở ra có ý hành xả.

9. Khi thở vào có tâm hiện diện, biết là thở vào có tâm hiện diện. Khi thở ra có tâm hiện diện, biết là thở ra có tâm hiện diện.

10. Khi thở vào tâm vui vẻ, biết là thở vào tâm vui vẻ. Khi thở ra tâm vui vẻ, biết là thở ra tâm vui vẻ.

11. Khi thở vào tâm định tĩnh, biết là thở vào tâm định tĩnh. Khi thở ra tâm định tĩnh, biết là thở ra tâm định tĩnh.

12. Khi thở vào tâm giải thoát, biết là thở vào tâm giải thoát. Khi thở ra tâm giải thoát, biết là thở ra tâm giải thoát.

13. Khi thở vào vô thường, biết là thở vào vô thường. Khi thở ra vô thường, biết là thở ra vô thường.

14. Khi thở vào đoạn diệt, biết là thở vào đoạn diệt. Khi thở ra đoạn diệt, biết là thở ra đoạn diệt.

15. Khi thở vào không tham dục, biết là thở vào không tham dục. Khi thở ra không tham dục, biết là thở ra không tham dục.

16. Khi thở vào tịch diệt, biết là thở vào tịch diệt. Khi thở ra tịch diệt, biết là thở ra tịch diệt.

Như thế đó A-nan, suy nghĩ như vậy, gọi là thích thú, khéo học, không nhàm chán xác thân, khiến cho các bậc Hiền Thánh an trú lâu ở thế gian, làm lợi ích cho trời, người. Rồi Phật ra lệnh cho các Tỳ-kheo sống xung quanh Tỳ-xá-ly tập họp lại hết, ai nghe rồi cũng phải nghe lại, vì mười lợi ích chế giới cho các Tỳ-kheo như sau:

- Nếu Tỳ-kheo tự tay giết người, hoặc tìm người cầm dao đến giết, hoặc xúi giục tự tử, hoặc ca ngợi sự chết, như nói: “Ôi! Kẻ nam tử, sống với cái thân như uế để làm gì, chết còn hơn sống”. Dùng phương tiện ca ngợi rằng chết là thích thú, với ý nghĩ như thế, tư tưởng như thế chứ không có gì khác, thì Tỳ-kheo ấy phạm tội Ba-la-di, không được sống chung với Tăng chúng.

GIẢI THÍCH:

Tỳ-kheo: (Đã chú thích ở giới thứ nhất)

Tự tay mình: Đó là: Tự thân, thân phần, thân thế lực.

Tự thân: Dùng cả toàn thân mình đề lên để giết người thì phạm Ba-la-di. Đó gọi là tự thân.

Thân phần: Hoặc dùng tay, cùi chỏ, gót chân, đầu gối, hoặc các bộ phận khác để giết người, thì phạm Ba-la-di. Đó gọi là thân phần.

Thân thế lực: Hoặc dùng gậy, dùng đá, dùng gạch, từ xa để ném giết người thì phạm Ba-la-di. Đó gọi là thân thế lực.

Người: Thuộc loài người, có mạng sống.

Giết chết: Khiến cho bốn đại của người ấy bị phân tán, mạng sống không còn tiếp tục. Đó gọi là giết chết.

Đi tìm: Là đi tìm người cầm dao hoặc là nam, nữ, lớn, nhỏ, hoặc xuất gia, tại gia.

Dao: Hoặc là kiếm kích, hoặc dao dài, dao ngắn, hoặc xà mâu, vòng sắt, tất cả những khí giới sắt bén cho đến cây kim v.v...

Khen ngợi sự chết: Tức là nói: Sống với cái thân ô uế để làm gì, chết còn hơn sống. Ý nghĩ như vậy là ý nghĩ sát hại, tư tưởng như vậy là tư tưởng sát hại. Khen ngợi chết là thích thú để mong người ấy chết, chứ không có lý do nào khác. Do đó mà họ chết, thì Tỳ-kheo ấy phạm Ba-la-di, không được sống chung.

Ba-la-di: (Đã giải thích ở giới thứ nhất)

Tỳ-kheo giết người: Hoặc dùng dao giết, hoặc dùng thuốc độc giết, hoặc bôi thuốc lên mình, hoặc cho mưa ra, cho đại tiện, hoặc làm đọa thai để giết, hoặc nói về tướng trạng, hoặc ca ngợi sự tự sát.

Giết bằng dao: Hoặc dùng gươm, dao lớn, dao nhỏ, cho đến dùng kim v.v... Khi có tâm sát hại mà thân động thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Khi chạm đến thân họ, thì phạm tội Thâu-lan-giá. Do đó mà họ chết chứ không có lý do nào khác, thì phạm tội Ba-la-di. Đó gọi là giết bằng dao.

Giết bằng thuốc độc: Thuốc độc có ba loại, là: Thuốc độc sống, thuốc độc bào chế, chất độc của loài vật.

Thuốc độc sống: Có những nước, đất ở đó sinh ra cây thuốc độc, như nước Nghê Lô Sinh có cây thuốc độc thảng cừ, nước Uất-xà-ni sinh có cây thuốc độc già la. Đó gọi là thuốc độc sống.

Thuốc độc bào chế: Như trường hợp thợ săn dùng rễ, cành, hoa, lá hợp lại chế thành thuốc độc. Đó gọi là thuốc độc bào chế.

Chất độc của loài vật: Như chất độc của rắn, chất độc của loài

Na-câu-la, chất độc của mèo, chất độc của chuột, chất độc của chó, chất độc của gấu, chất độc của người (?). Các chất độc như thế gọi là chất độc của loài vật.

Bôi lên mình: Nếu Tỳ-kheo vì muốn giết người bèn dùng tay cầm ba loại thuốc độc, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu bôi lên mình họ thì phạm tội Thâu-lan-giá. Người ấy do thế mà chết, thì phạm tội Ba-la-di. Đó gọi là giết bằng thuốc.

Bôi thuốc mà giết: Nếu Tỳ-kheo muốn giết người, tự tay cầm thuốc độc thì phạm tội Việt-tỳ-ni, thoa thuốc vào thân phần người khác, phạm Thâu-lan-giá. Nếu người ấy do đó mà chết, phạm tội Ba-la-di.

Cho thuốc mưa ra: Nếu Tỳ-kheo vì muốn giết người nên chế ra thuốc mưa, suy nghĩ: “Ta đưa loại thuốc này cho người ấy uống để cho y mưa ra máu huyết, gan mật”, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Khi đưa thuốc cho người ấy thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Người ấy vì uống thuốc mưa đó mà chết, thì phạm tội Ba-la-di.

Cho thuốc đại tiện: Nếu Tỳ-kheo vì muốn giết người nên chế ra thuốc đại tiện, và suy nghĩ: “Ta đưa thuốc này cho người ấy uống, để y đại tiện ra máu huyết và gan mật”, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu đưa thuốc cho người ấy, thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu người ấy do thuốc đó mà chết thì phạm tội Ba-la-di. Đó gọi là dùng thuốc đại tiện để giết.

Làm đọa thai để giết: Nếu Tỳ-kheo muốn giết bà mẹ mà làm cho đọa thai, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Hoặc muốn làm đọa thai mà bà mẹ chết, thì cũng phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu muốn giết người mẹ mà người mẹ chết, thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu muốn làm đọa thai mà một phần của thai nhi, hoặc cả thai bị trục ra, thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu làm đọa thai loài vật thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là làm đọa thai để giết.

Nói tướng trạng: Nếu Tỳ-kheo nói với người kia: “Theo chỗ thấy của tôi hiện giờ thì ông nhất định sẽ chết. Ông nên tự sát, chứ sống khổ sở để làm gì!” Người ấy do thế mà chết, thì Tỳ-kheo này phạm tội Ba-la-di.

Hoặc nói: “Như tôi thấy trong mộng thì nay ông nhất định sẽ chết”

Hoặc nói: “Tôi nghe tiếng chó sói, chim cú, chim quạ kêu. Nay tôi

thấy trên mũi ông hiện lên sắc đen, ông chắc chắn sẽ chết. Ông nên tự sát, chứ sống khổ sở để làm gì”. Người đó do thế mà chết, thì Tỳ-kheo ấy phạm tội Ba-la-di.

Hoặc hỏi: “Ông bao nhiêu tuổi?”. Đáp: “Tôi chừng ấy tuổi”. Lại nói: “Tôi rất rành số mạng. Năm nay ông chắc chắn sẽ chết, chi bằng ông tự sát là hơn, chứ để cái thân ô uế này sống mà làm gì”. Người đó do thế mà chết, thì Tỳ-kheo ấy phạm tội Ba-la-di.

Hoặc hỏi: “Ông thuộc về sao gì?”. Đáp: “Tôi thuộc về sao như thế”. Lại nói: “Tôi hiểu rõ sao đó, nên biết năm nay ông nhất định sẽ chết, không nghi ngờ gì nữa. Vì sao ông không tự sát mà sống khổ sở để làm gì?”.

Hoặc hỏi: “Ông tên gì?”. Đáp: “Tôi tên là A”. Lại nói: “Tôi biết tất cả các tên tuổi. Ông nhất định sẽ chết”.

Lại hỏi: “Ông họ gì?”. Đáp: “Tôi họ Mỗ”. Lại nói: “Tôi biết rất rành các dòng họ, năm nay ông nhất định sẽ chết”.

Lại hỏi: “Ông ăn thứ gì?”. Đáp: “Tôi ăn thức ăn như thế”. Bèn bảo họ mưa ra. Mưa rồi, liền nói: “Ông ăn thức ăn như thế chắc chắn sẽ chết, không nghi ngờ gì nữa”.

Lại hỏi: “Ông ăn tại đâu?”. Đáp: “Ăn tại chỗ đó”. Bèn bảo họ mưa ra. Mưa rồi, liền nói: “Chỗ đó có chất độc. Nay ông chắc chắn sẽ chết, sao không tự sát cho rồi, chứ sống khổ sở để làm gì?” Người đó do thế mà chết, thì Tỳ-kheo ấy phạm tội Ba-la-di.

Tóm lại, nếu Tỳ-kheo vì muốn giết người nên cố ý nói về tướng trạng, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Người đó nghe lời dùng phương tiện định tự sát, thì phạm tội Thâu-lan-giá. Nếu họ đã tự sát, thì phạm tội Baladi. Đó gọi là nói tướng trạng để giết.

Ca ngợi sự tự sát: Nếu Tỳ-kheo hỏi một người bố thí, hoặc trì giới có kết quả: “Ông có bố thí không?”. Đáp: “Có bố thí”. Tỳ-kheo nói: “Ông đã tạo được công đức, ắt sinh vào cõi thiện, sao không tự sát đi mà sống khổ sở để làm gì?”. Đó là trường hợp bố thí.

Hoặc Tỳ-kheo hỏi một người trì giới: “Ông có giữ giới không?”. Đáp: “Có giữ giới”.

Lại nói: “Đức Thế Tôn dạy: Kẻ trì giới sẽ sinh về hai nơi, hoặc trên trời, hoặc cõi người; sao ông không tự sát mà còn sống khổ sở để làm gì?”. Đó gọi là ca ngợi kết quả giữ giới. Tỳ-kheo lại nói: “Ông đã được quả Tu-đà-hoàn, không còn đọa vào đường ác, tối đa là sinh lại trong cõi trời người bảy lần nữa rồi chấm dứt khổ đau, đóng cửa cõi ác, sao không tự sát mà còn sống khổ sở để làm gì?”.

Hoặc nói: “Ông đã được quả Tư-đà-hàm, còn một lần sinh lại thế gian rồi chấm dứt khổ đau, sao không tự sát mà sống khổ sở để làm gì?”.

Hoặc nói: “Ông đã được quả A-na-hàm, không còn trở lại thế gian nữa, mọi khổ đau đã kết thúc sao không tự sát, mà còn sống khổ sở để làm gì?”.

Hoặc nói: “Ông đã được quả A-la-hán, sạch hết dâm, nộ, si, không vướng phiền não, tâm được tự tại, sao không tự sát mà còn sống khổ sở để làm gì?”.

Tóm lại, nếu Tỳ-kheo vì muốn giết người nên ca ngợi kết quả của sự bố thí, trì giới, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Khi người ấy tìm phương tiện để tự sát, thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu họ đã tự sát thì phạm tội Ba-la-di.

Lại có các trường hợp giết người khác: Hoặc đi, hoặc đặt cạm bẫy, hoặc dùng Tỳ-đà-la chú, hoặc thuốc bột, hoặc ô mẫn thổ, hoặc hầm hổ, hoặc a ba khâm mẫn, hoặc chỉ đường, hoặc chỉ sông, hoặc Đại thần, hoặc Tăng phưởng, hoặc cọp, hoặc ngoại đạo...

Giết khi đi: Hoặc mười người, hoặc hai mươi người cùng đi trên đường, rồi Tỳ-kheo vì trước đó có thù oán, muốn hại người đi trước mà hại lầm người đi giữa, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Hoặc muốn hại người đi giữa mà hại lầm người đi sau cũng phạm tội Việt-tỳ-ni.

Hoặc muốn hại người đi sau mà hại lầm người đi giữa cũng phạm tội Việt-tỳ-ni.

Hoặc muốn hại người đi giữa mà hại lầm người đi đầu cũng phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nhưng muốn hại người đi đầu mà hại đúng người đi đầu thì phạm tội Ba-la-di.

Hoặc muốn hại người đi giữa mà hại đúng người đi giữa cũng phạm tội Ba-la-di.

Hoặc có ý muốn giết tất cả, thì tùy người nào bị giết liền phạm tội Ba-la-di. Đó gọi là giết khi đi.

Giết bằng đặt cạm bẫy: Nếu Tỳ-kheo có tâm giết hại, làm cạm bẫy, thì khi đem cạm bẫy đặt ở giữa đường liền phạm tội Việt-tỳ-ni. Khi người ấy bị đau đớn, thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu người ấy chết, thì phạm tội Ba-la-di. Đó gọi là giết bằng đặt cạm bẫy.

Giết bằng Tỳ-đà-la chú: Nếu Tỳ-kheo muốn giết người, bèn làm tỳ-đà-la chú thì khi làm chú, phạm tội Việt-tỳ-ni. Khi người ấy đâm ra sợ hãi, thì phạm tội Thâu-lan-giá. Khi người ấy chết thì phạm tội Ba-la-di. Đó gọi là dùng chú Tỳ-đà-la để giết.

Giết bằng thuốc bột: Nếu Tỳ-kheo vì muốn giết người nên làm thuốc bột. Khi làm nghĩ: “Ta sẽ đem món thuốc này đến giết người ấy”, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu thuốc đó chạm đến người ấy, thì phạm tội Thâu-lan-giá. Nếu người ấy chết, thì phạm tội Ba-la-di. Đó gọi là giết bằng thuốc bột.

Giết bằng ô-mãn-thổ: Nếu Tỳ-kheo vì muốn giết người nên làm ô-mãn-thổ (?) giữa đường, thì khi làm liền phạm tội Việt-tỳ-ni. Người ấy vì thế mà đau đớn, thì phạm tội Thâu-lan-giá. Nếu y chết, thì phạm tội Ba-la-di. Đó gọi là giết bằng ô-mãn-thổ.

Giết bằng hầm sập: Nếu Tỳ-kheo vì muốn giết người nên đào hầm ở giữa đường, rồi đặt các thứ hung khí sắc bén, dùng cỏ, đất phủ lên trên, để người đó rơi xuống chết, thì khi làm liền phạm tội Việt-tỳ-ni. Khi người đó bị đau đớn thì phạm tội Thâu-lan-giá. Nếu y chết thì phạm tội Ba-la-di. Đó gọi là giết bằng hầm sập.

Giết bằng a-ba-khâm-mãn: Nếu Tỳ-kheo vì muốn giết người nên làm a-ba-khâm-mãn (?) ở giữa đường, thì khi làm liền phạm tội Việt-tỳ-ni. Khi người ấy bị đau đớn, thì phạm tội Thâu-lan-giá. Nếu y chết thì phạm tội Ba-la-di. Đó gọi là giết bằng a-ba-khâm-mãn.

Giết bằng cách chỉ đường: Nếu Tỳ-kheo đang đi kinh hành ở bên đường có người đến hỏi: “Trưởng lão! Tôi muốn đến khu làng như thế, phải đi đường nào?”. Tỳ-kheo vì trước đó có mối thù với người ấy, liền suy nghĩ: “Ta nay gặp được kẻ này, nên chỉ con đường nguy hiểm, khiến cho y chỉ có chết mà thôi”. Liền chỉ những con đường nguy hiểm như: nạn Vua, nạn sư tử, hổ báo, nạn rắn độc... thì khi chỉ những con đường hiểm như thế, phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu người ấy bị thống khổ, thì phạm tội Thâu-lan-giá. Nếu y chết, thì phạm tội Ba-la-di. Đó gọi là giết bằng cách chỉ đường.

Giết bằng chỉ lối qua sông: Nếu Tỳ-kheo đang đi kinh hành ở bên sông có người đến hỏi: “Trưởng lão! Tôi muốn đi đến chỗ như thế, nên đi lối nào?”. Tỳ-kheo này trước đây vốn có mối thù với người ấy, liền suy nghĩ: “Nay ta gặp được kẻ này, nên chỉ y đi qua chỗ hiểm trở, khiến cho y không thể nào thoát chết”, liền chỉ các lối đi hiểm trở như: chỗ nước xoáy, chỗ đá ngầm, chỗ đất sập, lòng chảo v.v... hoặc đoạn bờ sông Vua cấm, hoặc có bọn cướp sông, hoặc có nạn sư tử, hổ báo,

trùng độc v.v... khi chỉ cho người ấy lối đi hiểm trở thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Khi người ấy bị thống khổ, thì phạm tội Thâu-lan-giá. Khi y chết thì phạm tội Ba-la-di. Đó gọi là giết bằng chỉ lối qua sông.

Đại thần: Nếu có quan Đại thần bạo ngược vô đạo, tham lam lấy của người đem về cho mình, không sợ hình phạt, buông lung phóng túng, suy nghĩ như sau: “Thà làm con quạ hôm nay hơn là làm con công ngày mai”. Vua nghe được lời ấy, bèn bắt y giam vào tù để trị tội. Y sợ chết, nên dùng tất cả tài sản để chuộc mạng. Khi ấy, có một Tỳ-kheo thường lui tới nhà đó, bèn đến an ủi hỏi han những nỗi vui buồn của gia đình họ. Người vợ nói: “Nhà tôi vừa gặp chuyện rắc rối đang bị giam trong tù, thì làm sao vui được? Thầy có biết không? Hiện giờ nhà tôi sợ tội phải bị tử hình, nên đem tất cả của cải để chuộc lấy tính mạng. Nếu tiền của hết thì phải bần cùng, không còn gì để sống nữa”.

Tỳ-kheo nói: “Bà chớ sầu não! Ta sẽ bảo chồng bà không nên dùng đến tài sản”, bèn đến nhà giam an ủi ông ta: “Lão trượng! Không bệnh chứ?”. Viên Đại thần thấy Tỳ-kheo đến, lòng rất hoan hỷ nói: “Thầy ở ngoài có nghe điều gì chẳng?”. Tỳ-kheo đáp: “Nghe ông sắp phải chết, nên muốn dùng hết gia tài để chuộc lấy tính mạng. Nếu như thế thì vợ con ông sau này sẽ đói khát khốn cùng phải đi ăn xin, mà tiếng xấu gia đình ông sẽ còn truyền mãi”. Viên Đại thần hỏi: “Thế thì phải làm sao?”. Tỳ-kheo nói: “Tên Vua này vô đạo, giả sử có thu hết tài sản của ông cũng chẳng để ông sống đâu, cẩn thận, chớ giao của cho hắn mà phải tính toán cho kỹ lưỡng”. Nếu viên Đại thần đó nghe theo lời ấy, thì Tỳ-kheo phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu y phải chịu thống khổ, thì Tỳ-kheo phạm tội Thâu-lan-giá. Nếu y chết, thì Tỳ-kheo phạm tội Ba-la-di. Nhưng nếu vị Đại thần nghe Tỳ-kheo ấy nói bèn đáp: “Thầy là bạn tri kỷ của tôi mà tiếc tiền của không muốn tôi sống, nếu tôi chết rồi giả sử mặt trời mặt trăng không mọc nữa, thì cũng chẳng phải điều mà tôi lo, huống gì việc khác. Thầy hãy về suy nghĩ những lời Phật dạy, còn việc cát hung tốt xấu không liên quan gì đến thầy”, thì Tỳ-kheo phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu sau đó vị Đại thần suy nghĩ: “Đúng như Tỳ-kheo nói, tên Vua này vô đạo, giả sử cho hết tài sản, chung cục hắn cũng giết ta. Ta chết đã vô ích mà vợ con còn bị đói khát, không lấy gì để sống, gia đình bị sỉ nhục. Ôi! Cái chết thật đau đớn! Ta nay chịu lấy một mình, không đem cho tài sản”. Thế rồi ông bị chết. Dù ông không lập tức nghe lời của Tỳ-kheo, nhưng vì trước đó Tỳ-kheo đã bày kế ấy, nên phạm tội Thâu-lan-giá.

Có người vi phạm quốc pháp, viên chức hình sự bắt trói đem đến

trình Vua. Vua bảo đem y ra tra xét, tùy tội xử trị. Lúc ấy, viên chức tư pháp bèn dùng hoa Già-tỳ la trang điểm lên đầu tội nhân, trói chặt hai tay, đánh trống, thổi tù và, loan báo sắc lệnh khắp nơi. Loan báo lệnh xong bèn đem y ra khỏi cửa thành, đến nơi pháp trường. Bấy giờ, có Tỳ-kheo Ma-ha-la (bán thế xuất gia), chưa rành giới luật, thương kẻ tội nhân ấy đau khổ, bèn nói với tên đao phủ: “Người này thật đáng thương, đừng làm cho ông ta đau đớn. Ông chỉ nên chém y một nhát”. Nếu lúc ấy tên đao phủ đáp: “Tôi sẽ y lời”, rồi cầm dao bén chém phắt một nhát, thì Tỳ-kheo Ma-ha-la phạm tội Ba-la-di. Nếu tên đao phủ trả lời với Tỳ-kheo: “Ông nên biết mình phải làm gì. Tôi sẽ làm theo mệnh lệnh của Vua. Ông hãy trở về mà suy nghĩ những lời Phật dạy đi”, thì Tỳ-kheo phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu sau đó tên đao phủ suy nghĩ, rồi mới áp dụng lời nói của Tỳ-kheo, chém tội nhân một nhát mà không làm ngay lập tức, thì Tỳ-kheo Ma-ha-la phạm tội Thâu-lan-giá. Đó gọi là Đại thân.

Tăng phường: Có Tỳ-kheo khách đến chùa, theo thứ tự nhận phòng ở. Thấy Tỳ-kheo tri khách vì trước đó có hiềm khích với vị này, bèn suy nghĩ: “Ta nay gặp được người, phải cho người căn phòng đổ nát, để người chết toi mạng”, bèn giao cho căn phòng hư, tường cột đổ nát hư hoại, gần chỗ Tỳ-đà-la (?) đáng sợ, chỗ các loài ác quỷ Phú-đơn-na, gần chỗ rắn rít. Khi giao phòng cho người kia, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Khi người kia bị thống khổ, thì phạm tội Thâu-lan-giá. Nếu thầy ấy chết, thì phạm tội Ba-la-di.

Tỳ-kheo khách buổi sáng dậy sớm hỏi vị Tỳ-kheo cưu trú vật rửa tay ở chỗ nào? Tỳ-kheo cưu trú lấy bình chứa đầy ong nọc, rít, rắn độc, rồi đặt nắp lại, nói với vị Tỳ-kheo khách: “Bình này có chứa nước rửa tay. Ngài cứ tự ý sử dụng”. Khi vị khách cầm đến bình đó thì phạm tội Việt-tỳ-ni, khi bị đau đớn, phạm tội Thâu-lan-giá. Nếu chết phạm tội Ba-la-di. Đó gọi là dùng tăng phường để giết.

Cọp: Các nơi hoang vắng thường có cọp làm hại người. Lúc ấy, chúng Tăng bèn tập họp lại bàn bạc: “Này các Trưởng lão! Tại nơi hoang vắng này có cọp, sợ nó làm hại người, vậy ai có thể trừ được con cọp này?”. Bấy giờ, trong chúng có Tỳ-kheo A, vốn có hiềm khích với Tỳ-kheo B, bèn nói với mọi người: “Tôi có thể trừ được cọp”. Rồi vào lúc chiều tối, Tỳ-kheo A này mang cung tên ra đi, khi ấy thầy Tỳ-kheo B mặc y vàng, đầu có màu đen, đi đến chỗ cầu tiêu, rồi Tỳ-kheo A định giết Tỳ-kheo B nhưng giết nhầm cọp, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Hoặc định giết cọp nhưng giết nhầm Tỳ-kheo B, cũng phạm tội

Việt-tỳ-ni. Nhưng nếu muốn giết Tỳ-kheo B mà giết đúng Tỳ-kheo B, thì phạm tội Ba-la-di. Nhưng nếu muốn giết cọp mà giết đúng cọp thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nếu định giết cả hai, thì tùy theo giết đối tượng nào, phạm tội theo đối tượng đó: Giết Tỳ-kheo phạm tội Ba-la-di, giết cọp phạm tội Ba-dạ-đề. Đó gọi là cọp.

Ngoại đạo: Có các ngoại đạo thờ mặt trời, mặt trăng, nên mỗi khi nhật thực, nguyệt thực thì những người Bà-la-môn này tụ tập đồ đảng, tay cầm khí giới, lớn tiếng gọi nhau đi cứu mặt trời mặt trăng. Do đó, họ đi ngang qua gần tỉnh xá, vừa trông thấy các Tỳ-kheo, liền nổi giận mắng: “Bọn Sa-môn Thích tử kia là bè đảng của A-tu-la, nay phải giết chúng”. Khi các Tỳ-kheo nghe những lời thô ác ấy, liền đánh kiền chùy (257b) tập hợp Tăng chúng. Rồi một Tỳ-kheo nói: “Hôm nay chúng ta phải cùng nhau lập thế ước trừng trị bọn ngoại đạo tà ác này, không để một mạng nào sống sót”. Vì thế nguyên phi pháp, cho nên tất cả chúng Tăng đều phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu bọn họ phải chịu đau khổ thì tất cả chúng Tăng phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu bọn họ chết thì tất cả Tăng chúng phạm tội Ba-la-di.

Nếu cùng nhau thề nguyện: “Không nên làm cho chúng chết mà chỉ làm chúng đau khổ để cải ác làm lành”, thì tất cả chúng Tăng phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu bọn họ chịu đau khổ thì tất cả Tăng chúng phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu lúc ấy các Tỳ-kheo bảo nhau: “Các Trưởng lão! Không nên hại bọn chúng cũng không nên làm cho họ đau khổ, vì Đức Thế Tôn đã dạy: “Nếu Tỳ-kheo bị bọn giặc hung bạo dùng cưa, dao cắt đứt thân thể, thì lúc ấy tâm không nên khởi lên niệm ác, miệng không nên nói lời ác độc với chúng mà phải khởi tâm từ bi, tâm lợi ích, tâm nhẫn nhục”. Do đó các Tỳ-kheo cùng suy nghĩ: “Trong kinh Cú Đạo Dụ, Thế Tôn đã dùng phương tiện dạy ta phải nhẫn nhục”. Thế rồi, các thầy đóng chặt các cửa ngõ, lớn tiếng la vang để bọn ngoại đạo khiếp sợ, thì không có tội. Tất cả chúng Tăng đều cùng phát thế như thế, thì tất cả Tăng không có tội.

Có một Tỳ-kheo đánh con của Bà-la-môn gần chết liền tự suy nghĩ: “Người này nếu chết, thì pháp Sa-môn Thích tử sẽ bị hoen ố. Giờ đây ta phải đi tìm thuốc cứu hấn sống lại”. Rồi có một Tỳ-kheo khác hỏi Tỳ-kheo ấy: “Thầy đang làm gì thế?”. Đáp: “Tôi đánh người Bà-la-môn này gần chết, rồi tôi suy nghĩ: “Nếu kẻ này chết thật thì pháp

Sa-môn Thích tử sẽ bị hoen ố. Giờ đây ta phải đi tìm thuốc cứu hẩn sống lại”. Nếu Tỳ-kheo kia nói: “Thầy cứ đi tìm thuốc, để tôi giữ hẩn cho”. Thế rồi sau khi Tỳ-kheo đánh người đi khuất, vị Tỳ-kheo kia bèn kết liễu sinh mạng của hẩn. Trong trường hợp này, Tỳ-kheo trước đánh người, phạm tội Thâu-lan-giá. Tỳ-kheo sau giết người, phạm tội Ba-la-di. Đó gọi là ngoại đạo. Nếu một Tỳ-kheo vì định giết người mà cầm dao thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu chạm đến thân người ấy, thì phạm tội Thâu-lan-giá. Nếu người ấy chết, thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu hai, ba cho đến nhiều người vì muốn giết người mà cầm dao, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Cho đến người ấy chết, thì phạm tội Ba-la-di. Một Tỳ-kheo được (người khác) sai đi giết người, bèn sai lại một Tỳ-kheo khác cầm dao, thì phạm tội Việt-tỳ-ni... cho đến chết phạm tội Ba-la-di.

Như thế, sai người thứ hai thứ ba cho đến sai nhiều Tỳ-kheo cầm dao, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Cho đến chết, phạm tội Ba-la-di.

Tóm lại giết bằng thuốc độc, giết bằng bôi thuốc lên mình, giết bằng thổ (mửa) hay tả (đi cầu), giết bằng làm đọa thai, giết bằng nói tướng trạng, giết bằng khen ngợi sự chết cũng đều thế cả. Trường hợp giết người hội đủ năm điều kiện sau đây, thì phạm tội Ba-la-di. Đó là:

1. Đúng là người.
2. Tưởng là người.
3. Tạo phương tiện.
4. Có tâm giết hại.
5. Kết thúc mạng sống.

Đó gọi là năm điều kiện.

Hoặc sai đây tớ giết, hoặc sai người làm công, hoặc bạn bè, hoặc làm thử, hoặc chưa từng làm, vô trí, không biết xấu hổ, tưởng là làm không sao, đều phạm tội. Trái lại, nếu vì cuồng tâm, loạn trí mà giết người thì không phạm tội. Thế nên nói:

Nếu Tỳ-kheo tự tay mình giết người, hoặc tìm người cầm dao đến giết, hoặc khuyên họ chết, ca ngợi sự chết, nói: Ôi nam tử! Để cái thân ô uế này sống làm gì, chết còn hơn sống. Có ý nghĩ như thế, có tư tưởng như thế, dùng phương tiện khen ngợi rằng chết là thú vị, khiến cho người ấy chết, chứ không có lý do nào khác; thì Tỳ-kheo ấy phạm tội Ba-la-di, không được sống chung.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn đang trú tại thành Tỳ-xá-ly, trước bữa ăn, Ngài ngồi quay mặt về hướng Bắc, bóng mặt trời xiên độ một người

rười, ngày mồng chín, nửa tháng thứ ba mùa Đông sau khi thành đạo sáu năm, vì những Tỳ-kheo nuôi bệnh đã nhờ Lộc trọng ngoại đạo giết các Tỳ-kheo, mà chế giới này.

Những gì Phật đã chế phải tùy thuận chấp hành, đó gọi là pháp tùy thuận.
(Giải thích giới thứ ba đến đây là hết)